| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRỰC NINH**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 39/2024/DS-ST.
Ngày 06/9/2024.
V/v: " Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Mai Xuân Mạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Mạnh Trường.

Bà Hoàng Thị Thu Hường.

***- Thư ký phiên toà****:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 02/2024/QĐ-DS ngày 15/7/2024; Quyết định hoãn phiên toà 02/2024/QĐ-DS ngày 31/7/2024; Quyết định hoãn phiên toà 02/2024/QĐ-DS ngày 20/8/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Công ty TNHH M2.

Địa chỉ: Tầng E khối E, Tòa nhà C, Số B C, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn thế quyền của Công ty TNHH M2 là Công ty cổ phần N bán nợ J.

Địa chỉ: Tầng D, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, tp Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Anh T- Tổng giám đốc Công ty cổ phần N bán nợ Jupiter.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Hoàng Anh T là ông Phan Huy M – Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Đại diện theo ủy quyền uỷ quyền của ông M tham gia tố tụng: Ông Bùi Nguyên T1. Ông Lương Trung V - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Số B, H, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

*Bị đơn*: Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1975 và chị Trần Thị T2, sinh năm 1977. Cùng trú tại: Xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Ông Lương Trung V có mặt, Anh Vũ Văn Đ và chị Trần Thị T2 vắng mặt lần hai không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lương Trung V trình bày:

Bà Trần Thị T2 và ông Vũ Văn Đ vay của V1, theo các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2105223776593 ngày 01/06/2021 (mã hợp đồng trên bảng kê: LD2218202046) Số tiền vay: 960,000,000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng *(Mười hai tháng)*, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ ăn uống. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong ba tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh điều chỉnh 01 tháng/1 lần ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/09/2021, mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.5%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T2, ông Đ không thực hiện trả gốc lãi theo hợp đồng. Từ ngày 12/08/2022 bà T2, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 12/08/2022 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, *tạm tính đến ngày 19/08/2024 số tiền bà T2, ông Đ còn nợ* là 1.444.808.594đồng (Trong đó nợ gốc là 960,000,000đồng, nợ lãi là 432.073.644đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 52.734.950đồng ).

2. Theo "Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm , mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1" ngày 02/06/2021 (mã hợp đồng trên bảng kê: LD2115301229); Số tiền vay: 80,000,000 đồng. Thời hạn vay: 37 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng. Lãi suất trong hạn: 20%/ năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T2, ông Đ đã trả cho V1 số tiền 36,509,023 đồng (gồm: trả nợ gốc: 21,602,975 đồng và trả nợ lãi là: 14,886,404 đồng, trả lãi chậm trả

lãi là 19,644 đồng). Từ ngày 15/08/2022 bà T2, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 15/08/2022 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, *tạm tính đến ngày 19/8/2024 số tiền bà T2, ông Đ còn nợ* là 103.574.875đồng (Trong đó nợ gốc là 58,397,025 đồng, nợ lãi là 37.927.259 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 7.250.591đồng ).

3. Theo "Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2101043232266" ngày 28/12/2020 (mã hợp đồng trên bảng kê: LD2100500548) số tiền vay: 199,500,000 đồng. Thời hạn vay: 48 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng, lãi suất trong hạn: 27%/ năm, lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T2, ông Đ đã trả cho V1 số tiền 123,206,694 đồng (gồm: trả nợ gốc: 54,680,590 đồng và trả nợ lãi là: 68,465,378 đồng; trả lãi chậm trả lãi là: 60,726 đồng). Từ ngày 05/08/2022 bà T2, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 05/08/2022 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, *tạm tính đến ngày 19/8/2024 số tiền bà T2, ông Đ còn nợ* là 293.157.744đồng (Trong đó nợ gốc là 144,819,410 đồng, nợ lãi là 128.901.119đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 19.437.215đồng ).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên gồm: Toàn bộ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 50, tờ bản đồ số: 18; địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số CY 823399, số vào sổ cấp GCN: CS03718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 05/02/2021 cho ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 2494 quyển số 02/20221.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/05/2021 tại Văn phòng C Ban thành phố N, tỉnh Nam Định.

Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh giải quyết buộc ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với Công ty Cổ phần M3. Buộc ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 phải trả cho J số tiền tính đến ngày 19/8/2024 là: 1.841.541.213đồng trong đó nợ gốc là 1,163,216,435 đồng , nợ lãi là 598.902.022đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 20/8/2024 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 không trả nợ đầy đủ cho Công ty Cổ phần M3, Công ty Cổ phần mua bán nợ jupiter có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty Cổ phần M3.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh đã nhiều lần triệu tập nhưng anh Đ, chị T2 không đến Tòa án làm việc. Tòa án xác minh thu thập chứng cứ tại Công an xã T xác định: Theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hiện nay ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1975 và bà Trần Thị T2, sinh năm 1977. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã T, huyện T. Ông Đ bà T2 đi làm ăn xa không đăng ký tạm trú hay khai báo nơi ở hiện tại, nên Công an xã T không biết địa chỉ cụ thể nơi ở của anh Đ, chị T2 hiện đang ở đâu.

Ngày 16/5/2024 Toà án tiến hành thẩm định: Thửa đất số: 50, tờ bản đồ số: 18; địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số CY 823399, số vào sổ cấp GCN: CS03718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 05/02/2021 cho ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2. Trên đất có 01 nhà 2 tầng, 01 nhà mái tôn cấp 4. Hiện đất và tài sản trên đất anh Đ chị T2 vẫn thế chấp ngân hàng, chưa có mua bán chuyển nhượng cho ai khác.

**Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, Ngày 28/12/2020, ngày 01/6/2021, ngày 02/6/2021 ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 ký 03 hợp đồng vay vốn ngân hàng TMCP V2. Ngày 30/6/2023 Ngân hàng V1 lập hợp đồng bán nợ cho Công ty TNHH M2 đứng ra khởi kiện, trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết Công ty TNHH M2 lập hợp đồng số 09/HĐMBN/Galaxy-Jupiter ngày 12/7/2024; Công ty Cổ phần M3 kế thừa quyền nghĩa vụ của công ty M2 tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn thế quyền. Trong quá trình nộp đơn khởi kiện Công ty M2 mới nộp phụ lục hợp đồng mua bán nợ giữa ngân hàng V1 với G, xuất trình nhầm hợp đồng mua gói nợ ngày 30/12/2023. Do chi nhánh Công ty M2 ở xa nên không kịp gửi lại Hợp đồng mua gói nợ ngày 30/6/2023 bằng văn bản, ông V xuất trình bản phô tô do G1 gửi qua zalo của ông V, ông V đề nghị HĐXX vẫn tiến hành xét xử và ngay trong ngày 06/9/2024 sẽ xuất trình bản sao có công chứng Hợp đồng mua gói nợ ngày 30/6/2023 giữa Ngân hàng V1 và Công ty TNHH M2.

Đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 phải thanh toán cho Cổ phần mua bán nợ Jupiter toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan đến 03 Hợp đồng tính tạm tính ngày 19/8/2024 là: 1.841.541.213đồng trong đó nợ gốc là 1,163,216,435 đồng, nợ lãi là 598.902.022đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 20/8/2024 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 không trả nợ đầy đủ cho Công ty Cổ phần M3, Công ty Cổ

phần mua bán nợ jupiter có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho J.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70; 71 BLTTDS. Bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Ngày 30/6/2023 công ty TNHH M2 (viết tắt là công tyGalaxy) mua lại toàn bộ khoản nợ của bà Trần Thị T2 và ông Vũ Văn Đ tại V3; Ngày 17/1/2024 công ty M2 làm đơn khởi kiện đến TAND huyện Trực Ninh yêu cầu chị T2 anh Đ trả toàn bộ khoản nợ gốc, lãi và phạtvchậm trả tính đến ngày xét xử cho công ty M2. Ngày 12/7/2024 Công ty M2 bán toàn bộ khoản nợ trên cho công ty cổ phần M3; ngày 19/8/2024 công ty M3 có công văn đề nghị Toà án nhân dân huyện Trực Ninh xem xét chấp thuận việc chuyển giao, kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của công ty M2 trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng; Tuy nhiên tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp không có hợp đồng mua bán nợ giữa công ty M2 và V3; ngày 10/7/2024 VKSND huyện Trực Ninh ra yêu cầu thu thập chứng cứ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ xác định: Yêu cầu nguyên đơn giao nộp hợp đồng mua bán nợ số 3-30/6/2023/GLX-VPB ngày 30/6/2023 và Phụ lục đính kèm giữa công ty M2 và ngân hàng V2; đến thời điểm hiện tại nguyên đơn vẫn không giao nộp được hợp đồng mua bán nợ trên mà chỉ xuất trình được Phụ lục hợp đồng kèm theo;

Theo quy định tại Điều 4,5,6,7 Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày1/7/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ thì "Việc mua bán nợ phải được lập thành hợp đồng bằng văn bản trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên liên quan, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia …"; do đó việc công ty M2 (công ty M2 là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ) không cung cấp được hợp đồng mua bán nợ mà chỉ cung cấp được phụ lục hợp đồng là thiếu căn cứ chứng minh có việc mua bán nợ hay không? Hơn nữa trong Phụ lục hợp đồng mà G1 cung cấp mục 4.1 Điều 4 quy định "Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng mua bán nợ…" Thêm nữa theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của ngân hàng N1 thì bên bán nợ phải có nghĩa vụ "thông báo bằng văn bản cho bên nợ và các bên liên

quan những nội dung của việc bán nợ chậm nhất 5 ngày làm việc kể từ ngày các bên ký kết đồng mua, bán nợ hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua, bán nợ. ..",

Theo các tài liệu đương sự cung cấp bên bán nợ là ngân hàng V3 và công ty M2 đều không có văn bản thông báo cho chị T2 anh Đ về việc đã bán nợ; điều này vi phạm nghĩa vụ của bên bán nợ: do đó việc mua bán nợ giữa các tổ chức, doanh nghiệp trên chưa có hiệu lực trên thực tế. Vì vậy không đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là công ty M2 cũng như người thế quyền công ty M3 về việc tuyên buộc vợ chồng chị T2 anh Đ phải trả khoản nợ đã vay của Ngân hàng V3.

Căn cứ khoản 4 Điều 91, Điều 96 BLTTDS không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 có ký kết 03 hợp đồng vay Ngân hàng V1.

Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2105223776593 ngày 01/06/2021 (mã hợp đồng trên bảng kê: LD2218202046) số tiền vay: 960,000,000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng *(Mười hai tháng)*, Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9%/năm.

"Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1" ngày 02/06/2021 (mã hợp đồng trên bảng kê: LD2115301229); Số tiền vay: 80,000,000 đồng. Thời hạn vay: 37 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, Lãi suất trong hạn: 20%/ năm.

"Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2101043232266" ngày 28/12/2020 (mã hợp đồng trên bảng kê: LD2100500548) số tiền vay: 199,500,000 đồng. Thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất trong hạn: 27%/ năm, Mục đích vay mở rộng kinh doanh ăn uống và tiêu dung. Lãi xuất quá hạn của 03 hợp đồng đều tính bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà T2, ông Đ đã trả cho V1 số tiền

36,509,023 đồng cho hợp đồng LD2115301229(gồm: trả nợ gốc: 21,602,975 đồng và trả nợ lãi là: 14,886,404 đồng, trả lãi chậm trả lãi là 19,644 đồng)Từ ngày 15/08/2022 bà T2, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 15/08/2022 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Bà T2, ông Đ đã trả cho V1 số tiền 123,206,694 đồng cho hợp đồng số LN2101043232266(gồm: trả nợ gốc: 54,680,590 đồng và trả nợ lãi là: 68,465,378 đồng; trả lãi chậm trả lãi là: 60,726 đồng). Từ ngày 05/08/2022 bà T2, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Hợp đồng số LN2105223776593 số tiền vay: 960,000,000 đồng, bà T2, ông Đ không thực hiện trả gốc lãi theo hợp đồng. Từ ngày 12/08/2022 bà T2, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 12/08/2022.

Đối với khoản tiền gốc và tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn), nghĩa vụ thanh toán được Ngân hàng V4 và bà T2, ông Đ thỏa thuận ghi trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Các chứng từ về việc giải ngân; về số tiền đã thanh toán; số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn chưa thanh toán do Ngân hàng V4 cung cấp là chính xác.

Ngày 30/6/2023 Ngân hàng V1 lập hợp đồng bán nợ cho Công ty TNHH M2 đứng ra khởi kiện, trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết Công ty TNHH M2 lập hợp đồng số 09/HĐMBN/ Galaxy- Jupiter ngày 12/7/2024; Công ty Cổ phần M3 kế thừa quyền nghĩa vụ của công ty M2 tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn thế quyền.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần M3 buộc bà T2, ông Đ phải thanh toán cho Cổ phần mua bán nợ Jupiter toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan đến 03 Hợp đồng tính tạm tính ngày 19/8/2024 là: 1.841.541.213đồng trong đó nợ gốc là 1,163,216,435 đồng, nợ lãi là 598.902.022đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 20/8/2024 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Xem xét yêu cầu của Công ty cổ phần M3 đề nghị Tòa án tuyên: Cổ phần mua bán nợ Jupiter được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay để xử lý, thu hồi nợ. HĐXX xét thấy việc Ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 lập Hợp đồng thế chấp Toàn bộ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 50, tờ bản đồ số: 18; địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số CY 823399, số vào sổ cấp GCN: CS03718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 05/02/2021 cho ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 là hoàn toàn tự nguyện. Nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHM2 mua bán nợ xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông Đ, bà T2 không thanh toán được khoản nợ. Phạm vi bảo đảm là toàn bộ

nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn. Cổ phần mua bán nợ Jupiter được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay để xử lý, thu hồi nợ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 317; 318; 319; 320; 321; 322; 323 và Điều 463, 466 BLDS, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, điểm b Khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT- N2.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cổ phần mua bán nợ Jupiter đối với ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2.

Buộc ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền nợ gốc, tiền lãi, tiền lãi chậm trả theo: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2105223776593 ngày 01/06/2021 và "Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm , mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1" ngày 02/06/2021 (mã hợp đồng trên bảng kê: LD2115301229); "Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2101043232266" ngày 28/12/2020 (mã hợp đồng trên bảng kê: LD2100500548);

Cụ thể: Tạm tính ngày 19/8/2024 là: 1.841.541.213đồng, trong đó nợ gốc là 1,163,216,435 đồng, nợ lãi là 598.902.022đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 20/8/2024 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

2. Chấp nhận yêu cầu Công ty Cổ phần M3 về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể:

- Trường hợp ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 không thanh toán được các khoản nợ trên, Công ty M3 có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp Toàn bộ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 50, tờ bản đồ số: 18; địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số CY 823399, số vào sổ cấp GCN: CS03718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 05/02/2021 cho ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2.

- Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền thu được không đủ để thanh toán, toàn bộ khoản nợ cho Công ty Cổ phần M3 thì ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Công ty Cổ phần M3

- Trường hợp số tiền thu được có giá trị lớn hơn số tiền ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 phải trả cho Công ty Cổ phần M3 thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả lại cho ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2.

- Trường hợp ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 trả được toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Công ty Cổ phần M3 phải làm thủ tục giải chấp tài sản cho ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 phải nộp 67.246.236đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty Cổ phần mua bán nợ Jupiter số tiền dự thu án phí là 29.150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003936 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án huyện Trực Ninh.

4. Công ty Cổ phần mua bán nợ Jupiter được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị T2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận khi thi hành, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Xuân Mạnh**